

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Diễn biến điều chỉnh trên diện rộng ở nhóm cổ phiếu bất động sản khiến chỉ số VNIndex điều chỉnh nhẹ phiên hôm nay

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL F2007 chớm vượt qua ngưỡng cản 800 điểm, trước khi đảo chiều giảm điểm về cuối phiên

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

MWG

[Cập nhật công ty]

PNJ

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tạm thời đóng các vị thế ngắn hạn, chờ tín hiệu xác nhận xu hướng rõ nét hơn trước khi mua trở lại.

23/06/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	868.20	-0.35
VN30	807.61	-0.29
HĐTL VN30F1M	796.00	-0.24
HNXIndex	114.63	-0.08
HNX30	224.23	+0.16
UPCoM	56.64	-0.07
USD/VND	23,211	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.01	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.20	+10
Dầu (WTI, \$)	40.92	+1.14
Vàng (LME, \$)	1,757.18	+0.16



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 868.20 (-0.35%)
KLGD (triệu CP) 401.5 (+23.6%)
GTGD (triệu US\$) 294.3 (+27.7%)

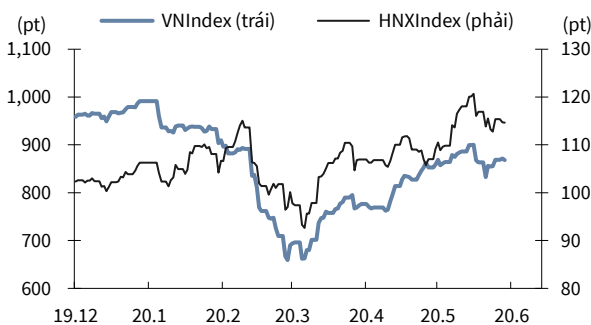
HNXIndex 114.63 (-0.08%)
KLGD (triệu CP) 66.9 (+16.2%)
GTGD (triệu US\$) 25.5 (+15.9%)

UPCoM 56.64 (-0.07%)
KLGD (triệu CP) 19.1 (-19.3%)
GTGD (triệu US\$) 9.0 (-13.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -6.1

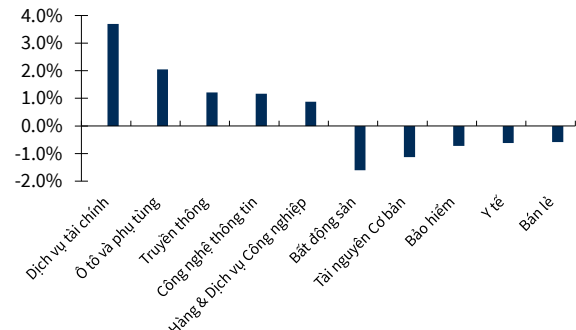
Diễn biến điều chỉnh trên diện rộng ở nhóm cổ phiếu bất động sản khiến chỉ số VNIndex điều chỉnh nhẹ phiên hôm nay. Thông tin từ Bộ Xây Dựng cho biết nguồn cung nhà ở trung, cao cấp trên cả nước đang dư thừa khoảng 70-100 triệu m² sàn, trong khi nguồn cung nhà ở thương mại giá thấp lại đang thiếu hụt khiến cổ phiếu các doanh nghiệp bất động sản trên sàn, hầu hết tập trung khai thác phân khúc trung, cao cấp, đồng loạt điều chỉnh như ở VIC (-2.8%), VHM (-0.8%), SJS (-2.3%). Nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng chịu tác động tiêu cực từ thông tin trên và diễn biến tiêu cực hơn thị trường chung với BID (-1.5%), CTG (-0.9%), TCB (-0.5%). Trong khi đó, cổ phiếu chứng khoán như SSI (+5.9%), HCM (+5.2%) tăng mạnh trước kỳ vọng KQKD Q2 khả quan. Diễn biến tích cực của giá dầu thế giới trong các phiên gần đây giúp nhóm cổ phiếu dầu khí tăng điểm ở GAS (+1.1%), PVD (+1.9%). Thông tin giá thịt lợn hơi giảm xuống mức thấp nhất 2 tháng khiến doanh nghiệp chăn nuôi lợn DBC (-7%) giảm sàn. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng, tập trung ở VNM (+0.5%), BID (-1.5%), HSG (-1.7%).

VNIndex & HNXIndex



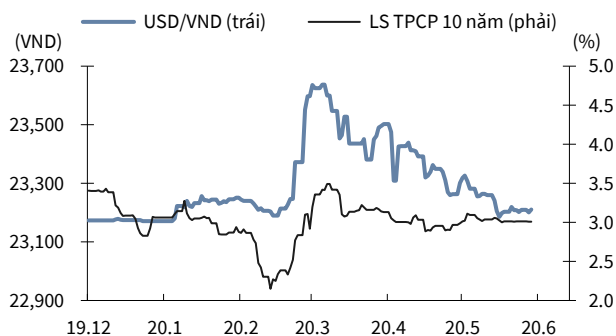
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



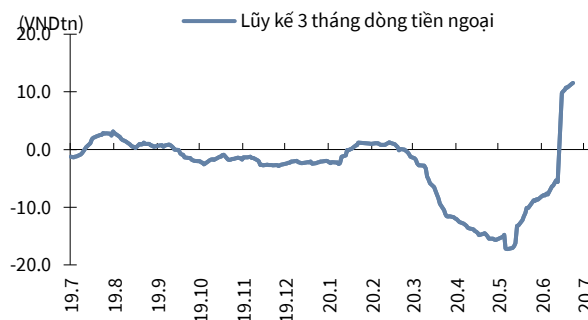
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



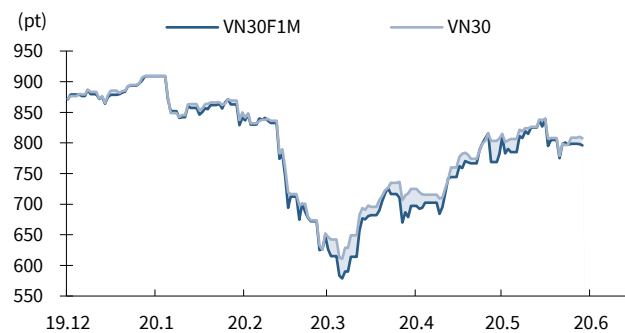
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	807.61 (-0.29%)
VN30F1M	796.0 (-0.24%)
Mở cửa	791.1
Cao nhất	800.4
Thấp nhất	791.1
KLGD (HĐ)	176,036 (+12.2%)

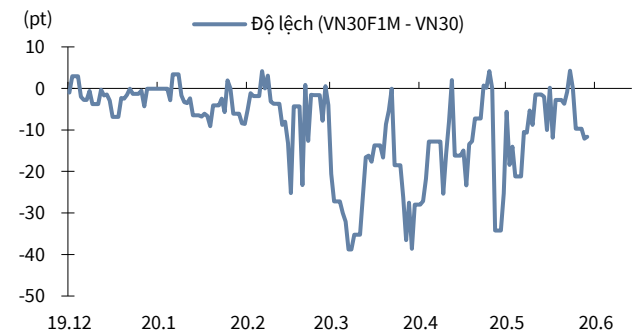
HĐTL F2007 chớm vượt qua ngưỡng cản 800 điểm, trước khi đảo chiều giảm điểm về cuối phiên khi mà thị trường cơ sở chứng kiến áp lực bán gia tăng đột ngột trong phiên chiều. Chênh lệch giữa F2007 và chỉ số VN30 Index mở cửa ở mức thấp nhất ngày -18.77 điểm sau khi đón nhận thông tin đàm phán Mỹ - Trung chấm dứt, tuy nhiên đã nhanh chóng thu hẹp lại và giao động chủ yếu trong biên độ -10 đến -14 điểm khi mà thông tin trên được phủ nhận, và đóng cửa cuối phiên ở mức -11.61 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch với khối lượng ở mức trung bình thấp, mua ròng không đáng kể ở F2007. Thanh khoản thị trường tiếp tục ở mức thấp.

HĐTL VN30F1M & VN30



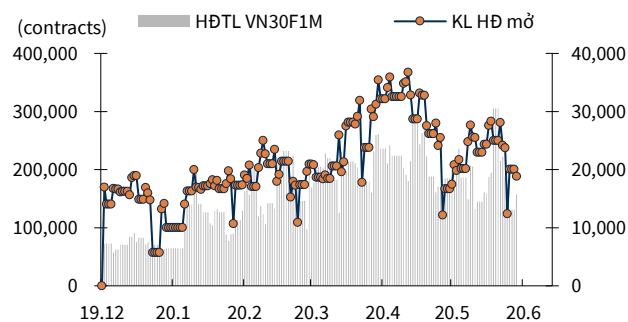
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



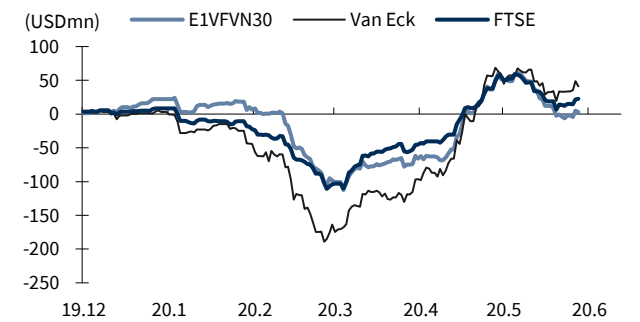
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

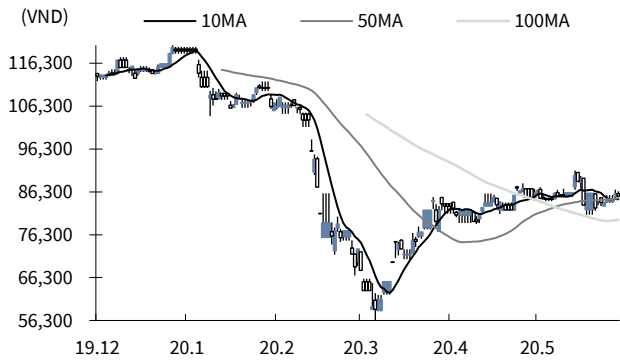
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Thế Giới Di Động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm -0.7% xuống 85,300 VNĐ/cp.
- Theo báo Đồng Nai, MWG mới đây đã có buổi làm việc với các lãnh đạo tỉnh này về việc giới thiệu mô hình nông nghiệp trồng rau trong nhà màng 4KFarm (không thuốc trừ sâu, không chất tăng trưởng, không chất bảo quản, không chất biến đổi gen) cho các hộ gia đình. Sau khi mô hình được triển khai, sản phẩm sẽ được MWG thu mua, cung cấp cho chuỗi cửa hàng Bách Hóa Xanh trên địa bàn tỉnh. Đại diện tỉnh Đồng Nai cho biết sẽ tạo điều kiện tốt nhất để MWG mở rộng hoạt động đầu tư tại tỉnh này.

Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)

Lợi nhuận tháng 5 tăng hai chữ số

LNST và doanh thu tháng 5/2020 tăng trưởng hai chữ số

— Lợi nhuận tháng 5/2020 tăng 22% YoY đạt 47 tỷ đồng. Doanh thu thuần tăng trưởng 20% YoY đạt 1,019 tỷ đồng. Tính lũy kế 5 tháng đầu năm, lợi nhuận ròng giảm 30% YoY đạt 364 tỷ đồng tuy nhiên doanh thu chỉ còn giảm 1% YoY xuống còn 6,561 tỷ đồng, hoàn thành 44% chỉ tiêu lợi nhuận và 45% chỉ tiêu doanh thu của năm. Tình hình kinh doanh trong tháng 5 đã có tín hiệu tích cực về sự phục hồi của thị trường khi tăng hơn gấp đôi doanh thu so với tháng 4 sau khi tất cả các cửa hàng đã hoạt động bình thường trở lại.

Doanh số vàng miếng tiếp tục tăng mạnh

— Sau thời gian giãn cách xã hội, doanh số kênh lẻ tháng 5 tăng 20% YoY và kênh si cải thiện đáng kể với mức tăng 18% YoY trong khi doanh số vàng miếng tiếp tục tăng mạnh 42% YoY. Biên lợi nhuận gộp trong tháng 5 đạt 18.9%, phục hồi lớn từ mức 8.4% trong tháng 4 và chỉ thấp hơn tháng 1 và tháng 2. Biên lợi nhuận gộp cho 5 tháng đầu năm đã giảm 13% YoY. Những nỗ lực cắt giảm chi phí để bù đắp tác động từ việc đóng cửa cửa hàng trong tháng 4 đang cho thấy những dấu hiệu thành công ban đầu khi PNJ thành công cắt giảm 2% YoY trong chi phí hoạt động tháng 5 và 4% YoY trong năm tháng đầu năm.

Việc mở mới cửa hàng tiến triển tốt và PNJ tiếp tục mở thêm cửa hàng đồng hồ *shop-in-shop*

— PNJ đã mở thêm 11 cửa hàng đồng hồ vào tháng 5 ngoài mở mới 4 và nâng cấp 2 cửa hàng *PNJ Gold*. Công ty cũng đóng cửa 5 cửa hàng (4 cửa hàng *PNJ Gold* và 1 cửa hàng *PNJ Silver*) trong thời gian này. Trong năm tháng đầu năm, PNJ đã mở 19 cửa hàng đồng hồ, 12 cửa hàng trang sức và nâng cấp 2 cửa hàng trang sức, đồng thời đóng cửa 10 cửa hàng trang sức. Tổng số cửa hàng vào cuối tháng 5 là 350 cửa hàng, bao gồm 294 *PNJ Gold*, 52 *PNJ Silver*, 4 *CAO Fine Jewelry* và 44 cửa hàng đồng hồ *shop-in-shop*.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

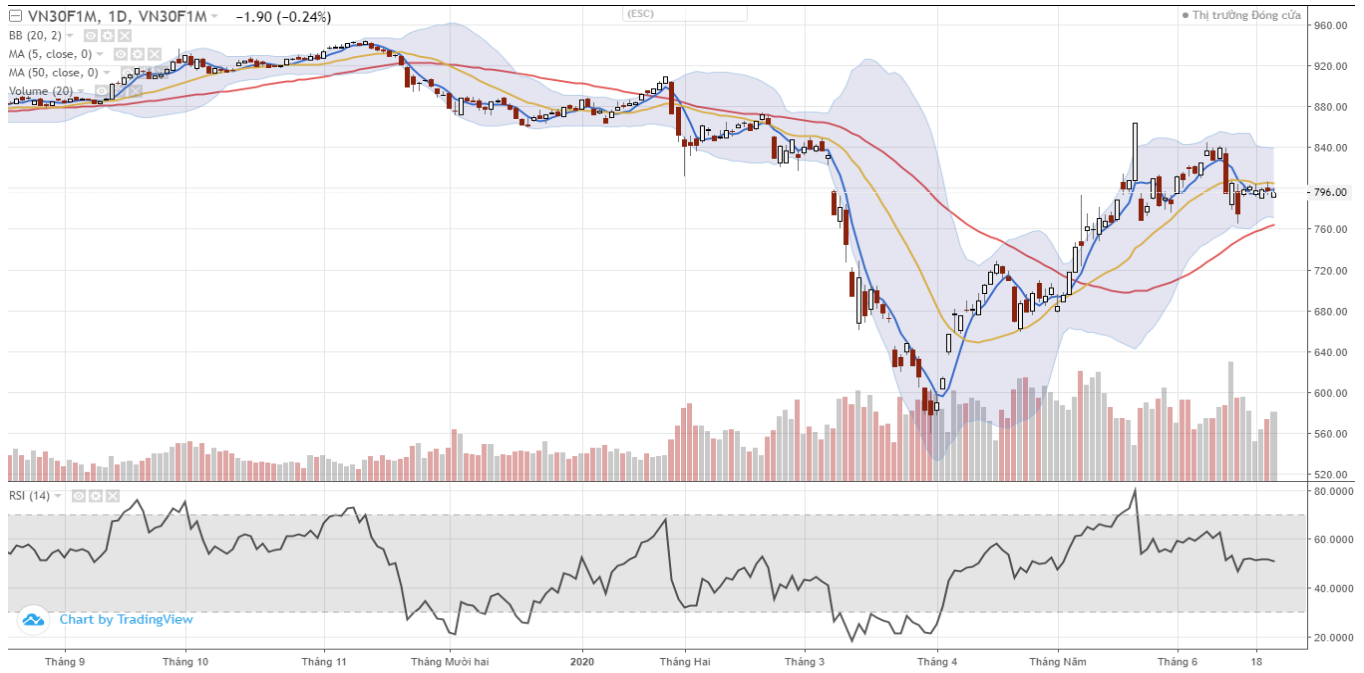
- VNIndex tiếp diễn phiên giằng co trong biên độ hẹp và vẫn chịu ảnh hưởng bởi ngưỡng kháng cự quanh 870.
- Trạng thái kỹ thuật vẫn duy trì ở mức trung tính và mặc dù chúng tôi không kỳ vọng vào khả năng có thể tiếp tục bứt phá mạnh nhưng cơ hội mở rộng thêm của nhịp hồi phục vẫn còn để ngỏ với vùng kháng cự kế tiếp tại 880-885.
- NĐT được khuyến nghị tạm thời đóng các vị thế ngắn hạn, chờ tín hiệu xác nhận xu hướng rõ nét hơn trước khi mua trở lại.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 cũng tiếp giảm co trong biên độ hẹp phiên hôm nay với lực đỡ tốt ở vùng giá thấp.
- Trạng thái kỹ thuật không có nhiều thay đổi với sự xuất hiện thêm của 1 mẫu nến spinning trung tính. Mặc dù chúng tôi không kỳ vọng vào khả năng có thể tiếp tục bứt phá mạnh nhưng cơ hội mở rộng thêm của nhịp hồi phục vẫn còn để ngỏ với vùng kháng cự kế tiếp tại 818-822.
- NĐT được khuyến nghị có thể mở trạng thái SHORT trở lại khi chỉ số tiến lên vùng kháng cự trên.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

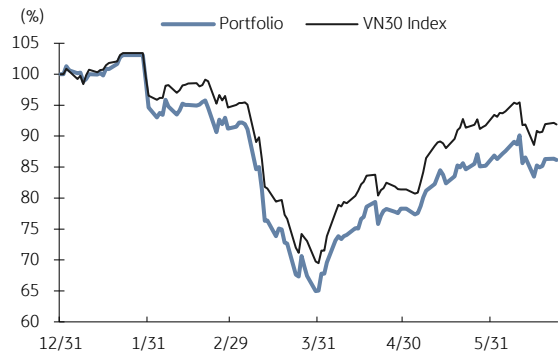
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.29%	-0.23%
Tăng lũy kế (YTD)	-8.13%	-13.83%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 23/06/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	85,300	-0.7%	-26.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,000	-1.4%	-6.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	59,800	1.2%	-22.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,500	0.0%	-11.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	31,350	0.3%	-7.8%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	47,550	1.2%	42.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	23,250	-0.9%	-4.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	109,400	0.4%	-15.3%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	27,000	-1.1%	15.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	14,850	-1.3%	8.4%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	0.5%	13.5%	16.6
KDC	-0.5%	19.9%	12.3
NVL	-1.2%	6.0%	11.0
DXG	0.4%	40.6%	9.3
VHC	-1.1%	33.0%	5.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.5%	58.8%	-36.9
BID	-1.5%	17.7%	-17.6
HSG	-1.7%	13.0%	-15.9
HPG	-1.1%	35.9%	-13.9
VIC	-2.8%	14.0%	-13.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NTP	0.5%	18.9%	0.6
HUT	0.0%	3.8%	0.5
CDN	3.3%	21.3%	0.2
TNG	-1.5%	6.4%	0.2
SHE	3.8%	3.3%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
WCS	-7.1%	26.4%	-2.6
SHS	6.2%	6.4%	-1.6
PGS	0.0%	8.3%	-0.3
THT	0.0%	4.4%	-0.2
EID	0.9%	23.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	5.4%	SSI, HCM
Dầu khí	4.3%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	4.2%	TCH, SVC
Xây dựng và Vật Liệu	4.0%	CTD, BMP
Tài nguyên Cơ bản	2.9%	HPG, HSG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-1.2%	BVH, BIC
Du lịch và Giải trí	-0.4%	HVN, SCS
Thực phẩm và đồ uống	0.0%	VNM, SAB
Y tế	0.1%	OPC, DCL
Hóa chất	0.9%	GVR, HRC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	5.4%	FIT, SSI
Xây dựng và Vật Liệu	4.0%	HBC, BMP
Y tế	1.5%	PME, IMP
Bất động sản	1.2%	NVL, VHM
Ngân hàng	1.0%	VCB, HDB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-7.6%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-6.0%	BVH, BIC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2.9%	PNJ, MSH
Tài nguyên Cơ bản	-2.7%	HPG, TNI
Thực phẩm và đồ uống	-2.3%	VNM, SAB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	94,200	318,625 (13,727)	53,432 (2.3)	22.7	50.8	32.6	20.0	6.8	8.9	3.7	3.2	-2.8	0.9	-2.3	-18.1
	VHM	VINHOMES JSC	77,700	255,595 (11,012)	237,088 (10.2)	28.9	9.6	8.6	34.3	38.2	30.4	3.1	2.3	-0.8	3.7	1.6	-8.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,200	61,807 (2,663)	93,360 (4.0)	18.1	24.0	18.3	4.7	9.1	11.1	2.2	2.0	-1.4	1.7	5.4	-20.0
	NVL	NO VA LAND INVES	58,300	56,524 (2,435)	65,985 (2.8)	32.3	18.7	20.2	-6.0	12.4	11.5	2.2	2.0	-1.2	3.0	9.4	-2.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,100	12,642 (545)	17,214 (0.7)	5.1	11.7	10.4	15.2	14.3	14.7	1.6	1.4	-0.6	3.4	13.1	-10.4
	DXG	DAT XANH GROUP	12,650	6,563 (283)	55,050 (2.4)	8.4	6.4	5.6	-14.2	12.0	14.3	0.8	0.7	0.4	3.3	14.0	-12.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	86,000	318,963 (13,742)	81,894 (3.5)	6.2	18.8	15.5	13.0	20.4	20.2	3.3	2.7	0.6	2.7	6.2	-4.7
	BID	BANK FOR INVESTM	40,700	163,696 (7,053)	60,281 (2.6)	12.3	30.5	19.0	-11.3	9.1	12.3	2.2	2.0	-1.5	0.0	3.6	-11.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	20,650	72,278 (3,114)	42,574 (1.8)	0.0	7.0	6.0	4.9	16.3	16.3	1.0	0.9	-0.5	0.2	-1.9	-12.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	23,250	86,569 (3,730)	142,017 (6.1)	0.1	12.9	9.6	16.4	10.1	12.0	1.1	1.0	-0.9	0.0	2.0	11.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,750	55,459 (2,389)	119,231 (5.1)	0.0	7.2	5.9	0.4	16.7	16.7	1.1	0.9	0.2	2.5	-5.8	13.8
	MBB	MILITARY COMMERC	17,500	42,200 (1,818)	126,073 (5.4)	0.0	5.5	4.6	7.8	18.2	18.5	0.9	0.8	0.0	0.6	1.4	-15.9
	HDB	HDBANK	26,500	25,597 (1,103)	29,532 (1.3)	9.1	7.5	6.1	10.2	20.0	21.6	1.1	0.9	0.0	-2.9	10.9	-3.8
	STB	SACOMBANK	11,550	20,832 (898)	193,637 (8.3)	14.8	11.5	7.4	10.6	7.2	10.0	0.7	0.6	-1.3	-2.9	13.2	14.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	21,300	17,393 (749)	3,087 (0.1)	0.0	5.7	4.8	44.5	24.0	21.6	1.1	-	1.7	1.4	1.4	1.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,000	22,130 (953)	4,481 (0.2)	0.0	38.7	37.1	-6.9	3.6	3.6	1.4	1.3	-1.1	0.6	6.5	1.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	48,600	36,077 (1,554)	53,879 (2.3)	20.7	34.7	26.1	-5.4	6.1	8.0	1.8	1.8	-0.8	-1.2	-1.1	-29.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,600	1,973 (085)	6,287 (0.3)	13.4	-	-	-	6.8	8.6	0.9	0.8	-1.8	-1.4	2.4	-12.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	16,100	9,675 (417)	94,368 (4.1)	49.6	11.4	8.9	-17.7	8.8	10.7	0.9	0.9	5.9	5.9	12.6	3.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	23,850	3,918 (169)	22,352 (1.0)	71.7	8.5	6.6	-24.9	11.1	13.0	0.9	0.8	4.1	7.2	2.8	-19.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	20,400	6,224 (268)	55,516 (2.4)	47.6	14.0	8.7	-22.5	11.0	17.1	1.4	1.3	5.2	8.8	10.3	-4.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	13,800	2,878 (124)	10,992 (0.5)	13.1	12.4	7.8	-19.1	7.4	11.2	0.9	0.8	4.5	5.7	11.3	-4.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	116,000	202,000 (8,703)	138,883 (6.0)	41.2	20.4	18.9	4.5	37.9	39.2	6.7	6.1	0.5	-0.9	1.4	-0.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	164,000	105,170 (4,531)	10,941 (0.5)	36.7	25.9	21.5	1.2	21.6	24.2	5.2	4.6	-1.2	-1.3	-5.7	-28.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	58,400	68,266 (2,941)	103,670 (4.5)	9.9	42.7	27.4	-45.3	4.0	7.1	1.5	1.4	0.2	1.4	-5.8	3.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	15,700	17,404 (750)	12,834 (0.6)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	1.9	1.9	8.3	12.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	109,400	57,308 (2,469)	56,010 (2.4)	11.7	23.5	11.4	-31.3	14.3	27.0	3.3	3.0	0.4	1.6	-4.0	-25.2
	GMD	GEMADEPT CORP	20,000	5,938 (256)	8,279 (0.4)	0.0	15.2	14.3	-53.9	6.0	7.0	1.0	1.0	1.0	2.3	3.6	-14.2
	CII	HO CHI MINH CITY	19,100	4,562 (197)	39,088 (1.7)	30.3	13.4	14.3	105.5	7.7	7.0	0.9	0.9	0.5	0.3	-3.0	-15.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,170	1,799 (078)	104,362 (4.5)	47.1	-	-	-	-	-	-	-	2.6	2.3	-9.2	-81.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	17,350	8,154 (351)	34,057 (1.5)	34.0	11.2	8.7	-16.2	11.7	13.9	1.2	1.2	0.0	6.4	1.5	-10.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	72,500	5,531 (238)	40,863 (1.8)	2.7	9.8	9.8	-39.4	6.4	6.8	0.7	0.6	6.9	13.6	6.5	41.3
	REE	REE	31,350	9,720 (419)	19,311 (0.8)	0.0	6.2	5.4	-5.9	14.1	14.5	0.9	0.8	0.3	2.1	0.5	-13.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	73,900	141,441 (6,094)	47,692 (2.1)	45.7	18.5	14.7	-17.1	15.7	19.2	2.8	2.7	1.1	1.1	0.0	-21.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,950	6,319 (272)	8,414 (0.4)	31.0	8.9	8.4	-2.9	16.8	18.4	1.5	1.5	-1.8	8.1	7.1	1.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,000	8,015 (345)	5,613 (0.2)	32.6	8.4	9.0	-9.4	16.3	14.8	1.3	1.3	1.2	3.5	4.0	-7.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	27,000	74,549 (3,212)	347,884 (15.0)	13.1	8.7	6.8	-1.4	17.4	19.0	1.4	1.2	-1.1	3.1	-0.9	14.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	15,300	5,987 (258)	59,166 (2.5)	37.9	10.5	10.2	-2.2	7.9	8.6	0.7	0.7	-0.3	7.0	5.5	18.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	9,580	5,072 (219)	19,584 (0.8)	47.1	11.8	26.1	-14.7	7.8	3.5	0.8	0.8	1.7	12.7	11.7	47.4
	HSG	HOA SEN GROUP	11,900	5,288 (228)	142,344 (6.1)	36.0	9.4	8.4	20.0	9.9	9.8	0.8	0.7	-1.7	8.7	22.7	60.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,200	2,260 (097)	35,303 (1.5)	95.8	6.9	7.8	37.9	13.4	10.4	0.7	0.6	1.1	4.8	6.9	3.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	46,250	55,075 (2,373)	49,415 (2.1)	6.5	21.2	16.0	-11.4	13.0	17.2	2.6	2.3	0.5	4.4	-0.3	-17.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,900	4,590 (198)	66,951 (2.9)	36.8	36.7	25.0	-9.0	1.0	0.9	0.3	0.3	1.9	2.8	1.4	-27.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,950	3,082 (133)	17,600 (0.8)	23.5	7.1	6.1	-17.0	9.4	10.5	0.6	0.6	-1.8	2.3	4.3	-34.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	85,300	38,625 (1,664)	104,292 (4.5)	0.0	9.9	8.0	13.3	29.6	29.3	2.5	1.9	-0.7	1.1	0.4	-25.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	59,800	13,466 (580)	51,928 (2.2)	0.0	14.9	12.1	-0.5	21.8	24.0	2.6	2.4	1.2	1.7	-5.4	-30.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	54,700	1,614 (070)	1,440 (0.1)	69.3	23.0	16.8	-28.1	6.7	8.5	1.5	1.4	1.3	0.9	-7.3	47.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	25,150	1,986 (086)	33,870 (1.5)	13.9	12.5	11.5	-31.7	12.2	12.1	1.4	1.3	-1.4	3.1	0.6	19.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	52,100	7,060 (304)	85,792 (3.7)	38.6	6.6	6.4	30.3	38.0	32.7	2.3	2.0	-1.0	3.8	14.5	36.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	91,400	11,950 (515)	1,802 (0.1)	45.5	18.6	17.1	4.4	19.6	19.3	3.3	3.2	-1.1	-0.1	-1.6	-0.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	63,600	4,771 (206)	1,209 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	1.3	7.8	17.1
IT	FPT	FPT CORP	47,550	37,275 (1,606)	80,515 (3.5)	0.0	10.9	9.5	18.0	24.1	25.2	2.4	2.1	1.2	2.0	-1.9	-6.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.